

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-ST

Ngày: 30-8-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Hưng;

2. Ông Nguyễn Tấn Rón.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Long An, tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trường G - Sinh năm 1974 - Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn DT, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lại Văn H1 - Sinh năm 1979 - Địa chỉ: ấp 1, xã MTD, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Hoàng Văn H2 - Sinh năm 1963 - Địa chỉ: ấp 1, xã MTD, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

3.2. Văn phòng công chứng H3 - Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn DT, huyện H, tỉnh Long An. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05-01-2019 nguyên đơn ông Nguyễn Trường G trình bày và yêu cầu: Ngày 07-6-2018, ông Lại Văn H1 vay của ông 50.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 0,75%/tháng, có viết giấy tay vay tiền. Cùng ngày, ông H1 ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất gồm: thửa số 638 diện tích 1.471m² (đất lúa), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 331832, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02813 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 30-6-2014 và thửa số 665 diện tích 1.493m² (đất lúa), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 331833, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02812 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 30-6-2014 thế chấp cho ông để đảm bảo cho số tiền vay 50.000.000 đồng nêu trên. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng tại Văn phòng công chứng H3. Ông có yêu cầu ông H1 trả lãi vào ngày 07 hàng tháng nhưng ông H1 không thực hiện, đến ngày 07-11-2018 (ngày cuối cùng thực hiện hợp đồng) thì không liên lạc được với ông H1. Nay ông yêu cầu Tòa án: Buộc ông Lại Văn H1 trả cho ông 52.025.000 đồng, gồm 50.000.000 đồng tiền vốn vay và 2.025.000 đồng tiền lãi (50.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 05 tháng 12 ngày tính từ ngày 07-6-2018 đến ngày 19-11-2018; Đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được lập tại Văn phòng công chứng H3.

- Tại Bản tự khai ngày 20-02-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn H2 trình bày: Ngày 20-4-2018 ông có thuê đất của bà Nguyễn Thị T (mẹ ruột của ông Lại Văn H1) thời hạn thuê 10 năm, giá thuê 120.000.000 đồng, đã trả đủ tiền thuê; Trong phần đất thuê của bà T có khoảng 29 cao ông H1 đứng tên. Sau này nếu ông H1 đòi lại ông sẽ trả cho ông H1. Việc ông G khởi kiện ông H1 ông không biết. Nếu phát sinh tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đối với bà T và ông H1 ông sẽ khởi kiện bằng vụ án khác, ông không có yêu cầu gì trong vụ án và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ông trong vụ án này.

- Tại Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt số 02/2019-VPCC ngày 19-02-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng H3 trình bày: Ngày 07-6-2018, ông Lại Văn H1 và ông Nguyễn Trường G có lập hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 638, 665 tờ bản đồ số 8 xã MTD, số tiền vay 50.000.000 đồng, thời gian thế chấp là 05 tháng kể từ khi hợp đồng được chứng nhận. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được Văn phòng công chứng H3 chứng nhận ngày 07-6-2018, công chứng số 2133, quyền số 03/2018-TP/CC-SCC/HĐGD là đúng theo quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng thế chấp, một trong hai bên đã không thực hiện đúng những điều khoản trong hợp đồng nên phát sinh việc khởi kiện. Văn phòng công chứng H3 đề nghị vắng mặt trong toàn bộ các phiên họp, các phiên hòa giải, giải quyết và toàn bộ quá trình xét xử tại Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H nhận xét: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên

tòa: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng thực hiện và chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 20-02-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn H2 có đơn xin xét xử vắng mặt;

Ngày 21-02-2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng H3 có đơn xin xét xử vắng mặt;

Ngày 29-8-2019, nguyên đơn là ông Nguyễn Trường G có đơn xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn là ông Lại Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Nguyễn Trường G khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Lại Văn H1, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Nguyên đơn là ông Nguyễn Trường G, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn H2 và Văn phòng công chứng H3 có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xem xét đơn khởi kiện của ông G và xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Lại Văn H1 được niêm yết hợp lệ và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của ông G theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, ông H1 không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa, vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[5] Hợp đồng vay tài sản bằng giấy tay ngày 07-6-2018, số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng kể từ ngày vay, được xác định bằng hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất ngày 07-6-2018 được Văn phòng công chứng H chứng nhận ngày 07-6-2018, số công chứng 2133, quyền số 03/2018-TP/CC-SCC/HĐGD. Đây là sự kiện không phải chứng minh. Hợp đồng vay tài sản giữa ông G và ông H1 là hợp đồng vay tài sản có lãi, có thời hạn và có xác lập biện pháp bảo đảm.

[6] Xét yêu cầu của ông G:

[6.1] Ông G yêu cầu ông H1 trả lại 50.000.000 đồng vốn vay và 2.025.000 đồng tiền lãi (50.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 05 tháng 12 ngày tính từ ngày 07-6-2018 đến ngày 19-11-2018) là có căn cứ, phù hợp giấy tay vay tiền và hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất cùng ngày 07-6-2018 nên chấp nhận. Việc ông G chỉ yêu cầu tính lãi trong thời hạn 05 tháng 12 ngày như trên là tự nguyện nên ghi nhận. Ông H1 không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6.2] Ông G yêu cầu đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được lập tại Văn phòng công chứng H là có căn cứ, phù hợp hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất ngày 07-6-2018 được Văn phòng công chứng H chứng nhận ngày 07-6-2018, số công chứng 2133, quyền số 03/2018-TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất gồm: thửa số 638 diện tích 1.471m² (đất lúa), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 331832, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02813 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 30-6-2014 và thửa số 665 diện tích 1.493m² (đất lúa), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 331833, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02812 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 30-6-2014. Hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông G đã nộp cho Tòa án; cần bảo lưu quyền sử dụng đất nêu trên để đảm bảo thi hành án.

[7] Qua nhận định trên, xác định số tiền ông H1 có nghĩa vụ trả cho ông G là 52.025.000 đồng.

[8] Cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trong việc tính lãi đối với các số tiền chậm thi hành án cho ông G.

[9] Ông Hoàng Văn H2 trình bày thuê đất của bà Nguyễn Thị T (mẹ ruột của ông Lại Văn H1), trong đó có khoảng 29 cao ông H1 đứng tên sau này nếu ông H1 đòi lại ông sẽ trả cho ông H1. Ông H2 không có yêu cầu gì trong vụ án này, nếu phát sinh tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đối với bà T và ông H1 ông H2 sẽ khởi kiện bằng vụ án khác, đồng thời yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ông H2 trong vụ án này; Do đó, Tòa án không có căn cứ xem xét giải quyết, đồng thời không đưa bà Nguyễn Thị T tham gia tố tụng vì bà T không phải là người đứng tên quyền sử dụng đất hay đang quản lý sử dụng đất. Nếu xảy ra tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

[10] Về lệ phí: Tiền lệ phí nhấn tin trên phương tiện thông tin đại chúng 2.250.000 đồng, ông G phải chịu là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự; Số tiền này ông G đã tạm ứng và chi phí xong.

[11] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông H1 có nghĩa vụ trả cho ông G 52.025.000 đồng nên phải chịu 2.601.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn lại cho ông G 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 180, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Lại Văn H1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trường G 52.025.000 đồng (Năm mươi hai triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện H bảo lưu quyền sử dụng đất gồm: thửa số 638 diện tích 1.471m² (đất lúa), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 331832, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02813 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 30-6-2014 và thửa số 665 diện tích 1.493m² (đất lúa), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 331833, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02812 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 30-6-2014, để đảm bảo thi hành án theo hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số công chứng 2133, quyền số 03/2018-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07-6-2018 của Văn phòng công chứng H. Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 331832 và BU 331833 nêu trên ông G đã nộp vào hồ sơ vụ án.

3. Về lệ phí: Ông G có nghĩa vụ chịu 2.250.000 đồng (Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền lệ phí nhấn tin; Số tiền này ông G đã tạm ứng và chi phí xong.

4. Về án phí:

Buộc ông Lại Văn H1 phải chịu 2.601.250 đồng (hai triệu, năm trăm lẻ một nghìn, hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Trường G 1.250.000 đồng (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 0004390 ngày 10-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương